TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 9 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại điểm cầu Trung tâm đặt tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau và điểm cầu thành phần đặt tại trụ sở Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Hoàng B, sinh năm: 1987. Địa chỉ: ấp M.Đ.A, xã T.A, huyện Đ.D, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

**** Bị đơn:*** Bà Lương Thị Thuý H, sinh năm: 1989. Địa chỉ: số 24B, đường H.V, khóm S, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng B trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lương Thị Thuý H kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/12/2011. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trong việc phát triển kinh tế gia đình nên ông và bà Hiền đã ly thân vào năm 2012. Nay tình cảm không còn, ông yêu cầu ly hôn với bà Hiền.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 02/9/2012, hiện đang sống cùng bà H. Khi ly hôn giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà Lương Thị Thúy H được Tòa án thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện của ông B nhưng bà H không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Hoàng Bảo và bà Lương Thị Thúy H kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/12/2011 đúng quy định của pháp luật. Ông B yêu cầu ly hôn với bà H. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với bà Hiền mặc dù Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng triệu tập bà Hiền tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải đến lần thứ hai và tống đạt hợp lệ giấy triệu tập bà H tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Bảo yêu cầu ly hôn với bà H với lý do vợ chồng có mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống. Bà H không có yêu cầu hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với ông Bảo, bỏ mặc không có bất cứ ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông B. Nên việc ông Bảo cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông B được ly hôn với bà H.

[4] Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 02/9/2012, hiện đang sống với bà Hiền. Khi ly hôn, ông Bảo yêu cầu tiếp tục giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Đây là sự tự nguyện của ông B, phù hợp với thực tế con chung hiện đang sống cũng bà H, bà H không từ chối việc nuôi con, việc tiếp tục giao con cho bà H nuôi dưỡng cũng đảm bảo ổn định trong cuộc sống, học tập của con chung, sự tự nguyện này của ông B phù hợp với nguyện vọng của con chung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông B.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H không yêu cầu phân chia tài sản chung, cũng như không yêu cầu giải quyết trách nhiệm trả nợ. Đến nay, không ai khác yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm trả nợ của ông B và bà H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con ông Bảo phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng B được ly hôn với bà Lương Thị Thúy H.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Quốc K, sinh ngày 02/9/2012 cho bà Lương Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hoàng B cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người có quyền thi hành án (bà Lương Thị Thúy H) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án (ông Nguyễn Hoàng B) không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Hoàng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* ông Nguyễn Hoàng B phải nộp. Ngày 06/4/2023 ông Nguyễn Hoàng B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0003156 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu. Ông Nguyễn Hoàng B phải tiếp tục nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND xã Tạ An Khương, H.Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

Phan Thị Thu